

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08/6/2020
V/v Tranh chấp ly hôn

1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;

Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 151/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Ngọc L, sinh năm: 1994; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh T

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1996; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lý Ngọc L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 154 ngày 20/9/2019. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh T tính gia trưởng, bảo thủ chỉ nghĩ cho bản thân, không quan tâm và tôn trọng vợ, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh chị đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình

cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh thống nhất với những lời trình bày của chị L về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn như chị L trình bày là không đúng, giữa vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn. Nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L do anh còn thương vợ, anh mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, chị L yêu cầu được ly hôn với anh T nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh T có nơi cư trú tại huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, Chị Lý Ngọc L và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 154 ngày 20/9/2019 nên là hôn nhân hợp pháp.

chị L cho rằng chị và anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh T tính gia trưởng không quan tâm và tôn trọng vợ, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Từ đầu năm 2020 cho đến nay, chị và anh T đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với anh T. anh T cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L do anh còn thương vợ và mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L cương quyết ly hôn với anh T, không đồng ý đoàn tụ. anh T cho rằng giữa anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, anh thừa nhận do anh không quan tâm vợ nên vợ anh bỏ về nhà mẹ ruột sống, thời gian đầu anh có tới rước chị L về nhưng chị không đồng ý. Hiện vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T cũng không đưa ra phương án cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: chị L và anh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: chị L và anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị L và anh T không yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Lý Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Lý Ngọc L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Lý Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Chị Lý Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Lý Ngọc L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005247 ngày 29/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị L đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Ngọc L, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh